

An Dương, ngày 02 tháng 11 năm 2020

Số: 248/2020/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 334/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020, giữa: Chị Phạm Thị T; ĐKTT: ĐKTT: Thôn Kiều T, xã Quốc T, huyện A, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Thôn H, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng và anh Nguyễn Quý N; địa chỉ: Thôn Kiều Thượng, xã Quốc Tuấn, huyện A, thành phố Hải Phòng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 10 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 10 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Quý N.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Quý N.

- Về con chung: Anh Nguyễn Quý N trực tiếp nuôi ba con chung là Nguyễn Tiến M, sinh ngày 30/6/2006; Nguyễn Tiến Q, sinh ngày 01/10/2010 và Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 08/12/2016. Chị Phạm Thị T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000đ/01 con/tháng. Tổng số tiền chị Phạm Thị T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Nguyễn Quý N là 3.000.000đ/03con/tháng.

Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung*: Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Quí N không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Phạm Thị T nộp cả 150.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung, tổng cộng số tiền chị T nộp là 300.000đ để sung quỹ Nhà nước. Chị T đã nộp số tiền tạm ứng 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục thi hành án dân sự huyện A (biên lai thu tiền số 0012810 ngày 12 tháng 10 năm 2020) nên không phải nộp nữa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trong trường hợp quyết định được thi hành án tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- UBND xã Q (nơi ĐKKH);
- Chi cục THADS huyện A;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Văn Tươi